

BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I MÔN TOÁN - LỚP 1

(Thời gian làm bài 60 phút - không kể thời gian giao đề)

Họ và tên:.....Lớp 1.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

Phần I: Trắc nghiệm (6 điểm)

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: (1đ) Kết quả của phép tính $10 - 3$ là:

A. 10 B. 7 C. 6

Câu 2: (1đ) 9 bé hơn số nào sau đây:

A. 8 B. 9 C. 10

Câu 3: (1đ) Điền số nào vào chỗ chấm trong phép tính để có $6 + \dots = 10$

A. 2 B. 4 C. 3

Câu 4: (1đ) Kết quả của phép tính $9 - 4 - 3$ là:

A. 3 B. 1 C. 2

Câu 5: (1đ)

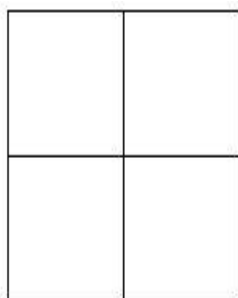
Có: 8 quả cam

Ăn: 2 quả cam

Còn lại: ...quả cam ?

A. 5 B. 6 C. 4

Câu 6: (1đ) Trong hình dưới đây có ... hình vuông?



Phần II: Tự luận (4 điểm)

Câu 7: (0,5) **Viết các số 2, 5, 9, 8**

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Câu 8: (0,5) Điền dấu <, >, =

$$5 + 3 \dots 9$$

$$4 + 6 \dots 6 + 2$$

Câu 9 : **Tính**

$$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ 5 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 4 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + \\ 3 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ - \\ 3 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 7 \\ \hline \dots \end{array}$$

Câu10: (1đ) Tính

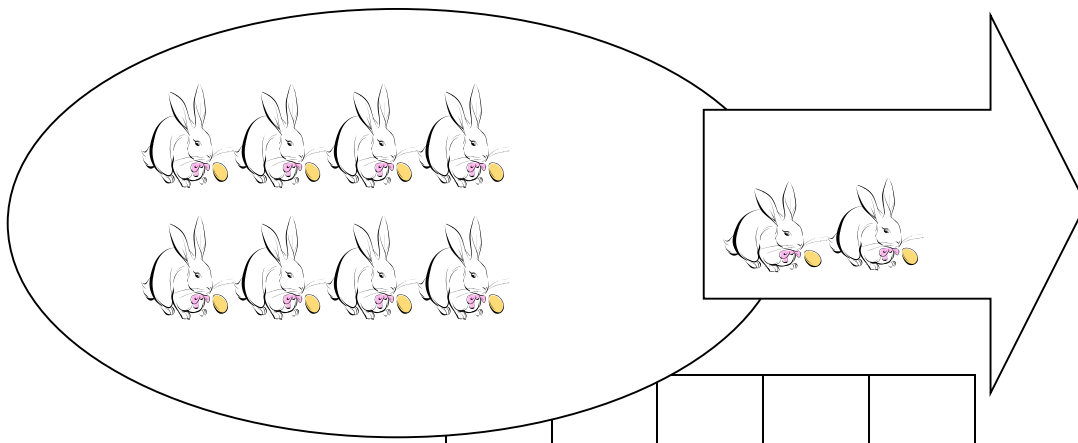
$$5 + \square = 9$$

$$10 - \square = 2$$

$$\square + 4 = 8$$

$$\square - 3 = 4$$

Câu 11: **Viết phép tính thích hợp vào ô trống:**



ĐỀ THI HỌC KÌ 1 LỚP 2 MÔN TOÁN

Câu 1: Nối phép tính với kết quả đúng: (1 điểm)

$$29 - 7$$

$$43 - 26$$

$$58$$

$$17$$

$$33$$

$$22$$

$$52 - 19$$

$$90 - 32$$

Câu 2: Xem tờ lịch tháng 9 rồi chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ chấm (1 điểm)

Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

(tư, năm, sáu, bảy)

Ngày 5 tháng 9 là thứ

Câu 3: Tính (1 điểm)

$$18\text{kg} - 9\text{kg} = \dots\dots$$

$$52\text{l} - 4\text{l} = \dots\dots$$

$$37 + 5 = \dots\dots$$

$$64\text{cm} + 8\text{cm} = \dots\dots\dots$$

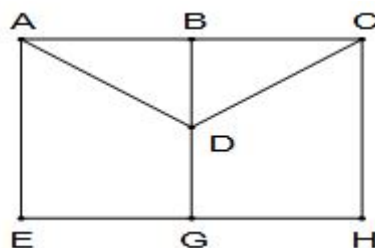
Câu 4: Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm (1 điểm)

$$35 + 15 \dots\dots 80 - 10 - 15$$

Câu 5: Quan sát hình rồi khoanh vào đáp án đúng (1 điểm)

Trong hình vẽ bên có mấy hình tam giác

- A. 2 hình
- B. 3 hình
- C. 4 hình
- D. 5 hình



Câu 6: Đặt tính rồi tính (1 điểm)

$$24 + 16$$

$$37 + 55$$

$$97 - 9$$

$$51 - 28$$

Câu 7: Điền Đ hoặc S vào ô trống (1 điểm)

A. $100 - 80 = 20$ ☐

B. $10 + 5 - 7 = 9$ ☐

C. $30 + 20 = 50$ ☐

D. $12 - 4 - 2 = 7$ ☐

Câu 8: Tìm x (1 điểm)

a) $x + 48 = 63$

b) $x - 24 = 16$

Câu 9: Nhà chú Ba nuôi 100 con gà. Nhà cô Tư nuôi ít hơn nhà chú Ba 17 con gà. Hỏi nhà cô Tư nuôi bao nhiêu con gà (1 điểm)

Bài giải:

.....
.....
.....

Câu 10: Em hãy tính hiệu của số nhỏ nhất có hai chữ số và số lớn nhất có một chữ số (1 điểm)

.....
.....
.....

KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN TOÁN - LỚP 3

(Thời gian làm bài: 40 phút)

I. Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Bài 1. Chữ số 6 trong số 461 có giá trị là:

- A. 6 B. 60 C. 600

Bài 2. Giá trị của biểu thức: $27 : 3 + 45$ là:

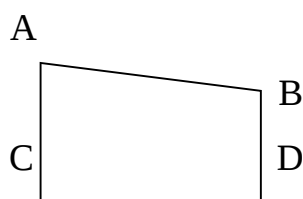
- A. 54 B. 55 C. 56

Bài 3. Điền số thích hợp điền vào chỗ chấm: $3\text{m } 8\text{cm} = \dots \text{ cm}$.

- A. 38 B. 380 C. 308

Bài 4. Hình ABCD có số góc vuông là:

- A. 2
B. 3
C. 4



Bài 5. $124 \times 3 = \dots$ Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 362 B. 372 C. 374

Bài 6. Gấp số 5 lên 4 lần ta được số.....?

- A. 20 B. 25 C. 30

II: Phần tự luận (6 điểm)

Bài 7. Đặt tính rồi tính

a) $125 + 238$

b) $424 - 81$

c) 106×8

d) $486 : 6$

.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

Bài 8. Một quyển sách truyện dày 128 trang. An đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang đó. Hỏi còn bao nhiêu trang nữa mà An chưa đọc?

Bài giải :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9. Tính nhanh:

a) $4 \times 126 \times 25$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) $(9 \times 8 - 12 - 5 \times 12) \times (1 + 2 + 3 + 4 + 5)$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Toán - Lớp 4

(Thời gian làm bài: 40 phút, không kể thời gian phát đề)

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: (1 điểm) Số bốn trăm linh hai nghìn bốn trăm hai mươi viết là:

- A. 4 002 400 B. 4 020 420 C. 402 420 D. 240 240

Câu 2: (1 điểm) Giá trị của biểu thức $45 \times m$ bằng bao nhiêu khi $m = 11$?

- A. 495 B. 459 C. 594 D. 549

Câu 3 : (1 điểm) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $65 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$ là :

- A. 6050 B. 650 C. 6500 D. 65 000

Câu 4:(1 điểm) Tổng của ba số tự nhiên liên tiếp là 333. Số lớn nhất trong ba số đó là:

- A. 999 B. 333 C. 112 D. 111

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 5:(1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$15548 + 5244$$

$$3168 \times 24$$

.....

.....

.....

Câu 6:(2 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a. $32147 + 423507 \times 2$

b. $609 \times 9 - 4845$

.....

.....

.....

Câu 7: (1 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài 112cm, chiều rộng 80cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: (2 điểm):

Hai thửa ruộng thu hoạch được 45 tấn 7 tạ thóc. Số thóc thửa thứ nhất thu hoạch được ít hơn số thóc thửa thứ hai 5 tạ thóc. Hỏi mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TRƯỜNG TH.....

NĂM HỌC 2017 - 2018

Họ và tên:.....

Môn: Toán

Lớp: 5...

Thời gian: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)

Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số thập phân 502, 467 đọc là:

- A. Năm trăm linh hai phẩy bốn trăm sáu mươi bảy.
- B. Năm trăm linh hai phẩy bốn sáu bảy.
- C. Năm không hai phẩy bốn trăm sáu mươi bảy.
- D. Năm trăm linh hai bốn trăm sáu mươi bảy.

Câu 2: Số thập phân gồm có: Năm đơn vị, hai phần trăm được viết là:

- A. $5\frac{20}{100}$
- B. 5,02
- C. $5\frac{2}{100}$
- D. 5,2

Câu 3: Giá trị của chữ số 5 trong số thập phân 879,457 có giá trị là:

- A. $\frac{5}{10}$
- B. $\frac{5}{1000}$
- C. 50
- D. $\frac{5}{100}$

Câu 4: Phân số thập phân $\frac{806}{100}$ được viết thành số thập phân là:

- A. 8,6
- B. 0,806
- C. 8,60
- D. 8,06

Câu 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $50g = ... kg$

- A. 50 000 kg
- B. 0,05 kg
- C. 0,5kg
- D. 5kg

Câu 6: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $927 m^2 = ha$

- A. 927 ha
- B. 0,0927ha
- C. 9,027ha
- D. 9,27 ha

Câu 7: Chu vi hình chữ nhật có chiều dài $\frac{3}{2}m$ và chiều rộng $\frac{1}{2}m$ là:

- A. $\frac{3}{4}m$
- B. $\frac{6}{4}m$
- C. 4 m
- D. $\frac{2}{4}m$

Câu 8: Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 7m, chiều cao 24dm là:

- A. $94m^2$,
- B. $16,8m^2$
- C. $8,4m^2$
- D. $84 m^2$

Câu 9: Trong phép chia $33,14 : 58$ nếu chỉ lấy đến hai chữ số của phần thập phân của thương. Thì số dư là:

- A. 8
- B. 0,8
- C. 0,08
- D. 0,008

II. TỰ LUẬN: (4 điểm)Câu 10: (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$19,48 + 26,15$

$62,05 - 20,18$

$4,06 \times 3,4$

$91,08 : 3,6$

Câu 11: (1 điểm) Tìm x:

$$35,5 : x - 2,5 : x = 15$$

Câu 12: (2 điểm)

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 46m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính chu và diện tích thửa ruộng đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....